

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 268 /TB-UBND

Nghệ An, ngày 24 tháng 4 năm 2018



THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2018**

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách và trên cơ sở tình hình, số liệu thực hiện 3 tháng đầu năm 2018, UBND tỉnh Nghệ An thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2018 (có Biểu số liệu và Báo cáo thuyết minh gửi kèm).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và Sở Tài chính Nghệ An.

UBND tỉnh thông báo để các Sở, ban, ngành; các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết. /Huy

Nơi nhận:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, KT (Nam).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Đại

BÁO CÁO

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số: 268/TB-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh)

1. Về thu ngân sách (Biểu số 60/CK-NSNN):

Dự toán HĐND tỉnh giao 12.691 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 3 tháng năm 2018 thực hiện 2.928 tỷ đồng, đạt 23,1% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 100,8% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó:

a) **Thu nội địa:** 2.446 tỷ đồng, đạt 21,4% dự toán và bằng 98,6% so với cùng kỳ năm 2017.

b) **Thu từ hoạt động XNK:** 482 tỷ đồng, đạt 38,3% dự toán, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2017.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Mặc dù thu ngân sách trên địa bàn tăng so với cùng kỳ năm 2017 nhưng vẫn đạt thấp so với tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao. Một số khoản thu đạt tiến độ thấp như: Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý đạt 19,8% dự toán; Thu công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 18% dự toán; Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 12,9%; Thu ngân sách xã đạt 12,5%; Thu khác ngân sách đạt 16,2%.

2. Về chi ngân sách (Biểu số 61/CK-NSNN):

Dự toán HĐND tỉnh giao: 23.779,8 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2018 thực hiện: 5.294 tỷ đồng, đạt 22,3% dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó:

a) **Chi đầu tư phát triển:** 1.416 tỷ đồng, đạt 24,1% dự toán.

b) **Chi thường xuyên:** 3.858 tỷ đồng, đạt 22% dự toán.

Chi thường xuyên 3 tháng đầu năm 2018 chủ yếu tập trung chi lương và các khoản có tính chất lương, đảm bảo hoạt động có tính chất thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, các sự nghiệp; Ngoài ra thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội nói riêng và chi phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

UBND tỉnh thông báo để các Sở, ban, ngành; các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết. /.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số: 268 /TB-UBND ngày 24 /4/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| ST T | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | THỰC HIỆN 03 THÁNG ĐẦU NĂM | SO SÁNH TH VỚI DT NĂM (%) |
|-----------|--|-------------------|-------------------------------|------------------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 12.691.000 | 2.928.855 | 23,1% |
| I | Thu cân đối NSNN | 12.691.000 | 2.928.855 | 19,3% |
| 1 | Thu nội địa | 11.431.000 | 2.446.351 | 21,4% |
| 2 | Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu | 1.260.000 | 482.504 | 38,3% |
| 3 | Thu viện trợ | - | - | - |
| II | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | - | - | - |
| B | TỔNG CHI NSDP | 23.779.800 | 5.294.638 | 22,3% |
| I | Chi cân đối NSDP | 23.779.800 | 5.294.638 | 22,3% |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 5.866.284 | 1.416.603 | 24,1% |
| 2 | Chi thường xuyên | 17.521.106 | 3.858.035 | 22,0% |
| 3 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 2.890 | | |
| 4 | Dự phòng ngân sách | 389.520 | 20.000 | 5,1% |
| C | BỘI THU NSDP | 365.600 | | |
| D | CHI TRẢ NỢ GỐC | 420.700 | 150.000 | 35,7% |



THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số: 268 /TB-UBND ngày 24 /4/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | THỰC HIỆN 3 THÁNG | SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%) | |
|-----------|--|-------------------|----------------------|------------------------------|-------------------------|
| | | | | DỰ TOÁN | CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/3 | 6 |
| A | Tổng thu NSNN trên địa bàn (I+II) | 12.691.000 | 2.928.855 | 23,1% | 100,8% |
| I | Thu nội địa (thu từ SXKD trong nước) | 11.431.000 | 2.446.351 | 21,4% | 98,6% |
| | <i>Thu nội địa không kê thu tiền sử dụng đất</i> | <i>9.431.000</i> | <i>2.008.637</i> | <i>21,3%</i> | <i>103,9%</i> |
| 1 | Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý | 890.000 | 176.339 | 19,8% | 89,7% |
| 2 | Thu từ doanh nghiệp Địa phương quản lý | 140.000 | 39.361 | 28,1% | 106,3% |
| 3 | Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài | 365.000 | 68.894 | 18,9% | 81,2% |
| 4 | Thu từ khu vực CTN-DV ngoài quốc doanh | 4.853.000 | 906.013 | 18,7% | 95,7% |
| 5 | Lệ phí trước bạ | 685.000 | 173.305 | 25,3% | 101,9% |
| 6 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 30.000 | 2.003 | 6,7% | 124,1% |
| 7 | Thuế thu nhập cá nhân | 490.000 | 189.307 | 38,6% | 151,3% |
| 8 | Thuế bảo vệ môi trường | 1.100.000 | 243.260 | 22,1% | 123,4% |
| 9 | Thu phí và lệ phí | 210.000 | 62.389 | 29,7% | 98,3% |
| 10 | Thu tiền sử dụng đất | 2.000.000 | 437.714 | 21,9% | 79,8% |
| 11 | Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước | 240.000 | 30.994 | 12,9% | 144,8% |
| 12 | Thu cấp quyền khai thác khoáng sản | 77.000 | 60.821 | 79,0% | 187,4% |
| 13 | Thu khác ngân sách | 265.000 | 42.952 | 16,2% | 93,4% |
| 14 | Thu ngân sách xã | 55.000 | 6.859 | 12,5% | 143,2% |
| 15 | Thu cổ tức, lợi tức | 6.000 | | | 0,0% |
| 16 | Thu Xổ số kiến thiết | 25.000 | 6.140 | 24,6% | 164,8% |
| II | Thu từ hoạt động XNK | 1.260.000 | 482.504 | 38,3% | 113,9% |

CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số: 268 /TB-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | THỰC HIỆN 3 THÁNG | SỐ SÁNH VỚI DT NĂM (%) |
|------------|---|-------------------|-------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/3 |
| A | Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV) | 23.779.800 | 5.294.638 | 22,3% |
| I | Chi đầu tư phát triển | 5.866.284 | 1.416.603 | 24,1% |
| II | Chi thường xuyên | 17.521.106 | 3.858.035 | 22,0% |
| 1 | Chi sự nghiệp môi trường | 163.655 | 35.565 | 21,7% |
| 2 | Chi sự nghiệp kinh tế | 1.642.654 | 360.524 | 21,9% |
| 3 | Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo | 7.637.074 | 1.706.083 | 22,3% |
| 4 | Chi sự nghiệp Y tế | 1.954.894 | 410.960 | 21,0% |
| 5 | Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ | 44.846 | 7.247 | 16,2% |
| 6 | Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin-thể dục thể thao | 265.882 | 52.325 | 19,7% |
| 7 | Chi các ngày lễ lớn | 10.000 | 2.000 | 20,0% |
| 8 | Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình | 43.275 | 11.743 | 27,1% |
| 9 | Chi bảo đảm xã hội | 1.187.164 | 278.849 | 23,5% |
| 10 | Chi quản lý hành chính | 3.190.725 | 781.700 | 24,5% |
| 11 | Chi an ninh quốc phòng địa phương | 350.296 | 82.525 | 23,6% |
| 12 | Chi thi đua khen thưởng | 40.000 | 14.000 | 35,0% |
| 13 | Chi khác ngân sách | 184.378 | 18.375 | 10,0% |
| 14 | Kinh phí trang bị phương tiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin | 40.000 | 5.000 | 12,5% |
| 15 | Vốn nước ngoài, Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ khác | 335.000 | 62.000 | 18,5% |
| 16 | Chi hỗ trợ các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính; đảm bảo an toàn giao thông | 26.900 | 4.139 | 15,4% |
| 17 | Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành | 21.394 | 5.000 | 23,4% |
| 18 | Các CTMT Quốc gia (vốn SN) | 382.970 | 20.000 | 5,2% |
| III | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 2.890 | | 0,0% |
| IV | Chi từ nguồn Dự phòng NSDP | 389.520 | 20.000 | 5,1% |
| B | Bội thu NSDP | 365.600 | | |
| C | Chi trả nợ gốc | 420.700 | 150.000 | 35,7% |

